

Quảng Xương ngày 16 tháng 4 năm 2019

Số: 74/2019/QĐST - HNGĐ

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

- Căn cứ Điều 212 ; Điều 213 và khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Căn cứ Điều 55; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân gia đình.
- Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;
- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 86/2019/TLST – HNGĐ ngày 05 tháng 4 năm 2019 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con gồm những người tham gia tố tụng sau đây.

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

Chị Chị Lê Thị T, sinh năm 1988

Địa chỉ: Thôn Y, xã Q, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa.

Anh Vũ Đức H, sinh năm 1985

Địa chỉ: Thôn Y, xã Q, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Tại biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 08/4/2019 chị Lê Thị T và anh Vũ Đức H thừa nhận kết hôn trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn ngày 06/7/2012 tại UBND xã Q, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được 03 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không hiểu nhau về tâm sinh lý, không có sự thông cảm, bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi nhau, thường xuyên cãi nhau làm ảnh hưởng đến tình cảm vợ chồng. Chị T và anh H đã sống ly thân nhau từ tháng 05/2017 đến nay không ai quan tâm đến ai nữa. Hiện nay tình cảm vợ chồng không còn, vì vậy chị T và anh H thống nhất yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Chị T và anh H thống nhất thỏa thuận: Vợ chồng có 01 con chung là Vũ Đức H, sinh ngày 24/5/2014. Chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu H, anh H cấp dưỡng nuôi con chung là 2.000.000 đồng/ 1 tháng. Kể từ tháng 4/2019 cho đến khi cháu H tròn 18 tuổi. Anh H có quyền và nghĩa vụ đi lại thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

[3] Về tài sản chung, nợ: Chị T, anh H thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về lệ phí: Chị T và anh H thống nhất anh H chịu toàn bộ lệ phí theo quy định của pháp luật.

Đã hết thời hạn 7 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hoà giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận chị Lê Thị T và anh Vũ Đức H thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Chị T và anh H có 01 con chung là Vũ Đức H, sinh ngày 24/5/2014. Chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu H, anh H cấp dưỡng nuôi con chung là 2.000.000 đồng/1 tháng. Kể từ tháng 4/2019 cho đến khi cháu H tròn 18 tuổi. Anh H có quyền và nghĩa vụ đi lại thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở. - Về tài sản, nợ: Chị T và anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Anh Hưng chịu 300.000 đồng lệ phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0001521 ngày 08/4/2019 của chi Cục Thi Hành án dân sự huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6,7,9. Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự

Nơi nhận:

- VKS cùng cấp
- Đương sự
- UBND xã Đông Nam
- Lưu hồ sơ việc dân sự

THẨM PHÁN

Trịnh Thị Hà

